

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2021/DS-ST

Ngày: 06/5/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng vận chuyển
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Qui.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Văn
2. Ông Hoàng Xuân Ty

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung – Kiểm sát viên

Hôm nay, ngày 06 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 191/2019/TLST-DS ngày 13 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng dân sự vận chuyển tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 04 năm 2021, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Bá V**, sinh năm 1957

Địa chỉ: đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Xuân L, sinh năm 1966

Địa chỉ: đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 06/12/2019 và ngày 05/5/2020) (có mặt)

+ **Bi đơn:** Ông **Nguyễn Văn H**

Địa chỉ: đường B, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ *Tại đơn khởi kiện ngày 02/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân L trình bày:*

Ông Nguyễn Bá V và ông Nguyễn Văn H bắt đầu làm ăn với nhau từ năm 2010, ông V vận chuyển thuê cho ông H. Khi vận chuyển hàng cho ông H, hai bên không làm hợp đồng bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng, khi ông V vận chuyển hàng xong sẽ giao lại phiếu giao hàng cho ông H, từ năm 2010 đến 2015 ông H trả tiền đầy đủ, chở chuyển nào trả tiền chuyển đó. Đến năm 2016 thì ông H nợ lại, ông V cũng muốn đòi lại để lấy tiền trả tiền vay ngân hàng nên các chuyển

hàng tháng 2,3,4,5/2016 tổng cộng là 23 chuyến, ông V dồn lại để lấy một lần, đến tháng 7 ông V yêu cầu ông H trả thì ông H bảo từ từ trả sau, các chuyến hàng ông H còn nợ ông V cụ thể như sau:

Tháng 2 ông V chở cho ông H 07 chuyến, tổng cộng là $192,3\text{Ste} \times 120.000\text{đ}/1\text{Ste} = 23.076.000\text{đ}$.

Tháng 3 ông V chở cho ông H 06 chuyến, tổng cộng là $169\text{Ste} \times 120.000\text{đ}/1\text{Ste} = 20.280.000\text{đ}$.

Tháng 4 ông V chở cho ông H 05 chuyến, tổng cộng là $143,43\text{Ste} \times 120.000\text{đ}/1\text{Ste} = 17.211.000\text{đ}$.

Tháng 5 ông V chở cho ông H 05 chuyến, tổng cộng là $144,8\text{Ste} \times 120.000\text{đ}/1\text{Ste} = 17.376.000\text{đ}$.

Trong chứng cứ cung cấp cho Tòa án có nội dung “Tổng cộng tháng 2,3,4,5 là 23 chuyến về T $23^c \times 2400 = 55.200.000\text{đ}$ ” là do ông V ghi khi lên đòi tiền ông H, nếu ông H trả thì ông V chỉ lấy $2.400.000\text{đ}/\text{chuyến}$ là $55.200.000\text{đ}$ nhưng ông H không trả ngay nên ông V lấy tiền theo đơn vị tính Ste.

Ngoài ra vào các ngày 16, 17, 18/5/2016 ông V có chở cho ông H 03 chuyến về xưởng gỗ của ông H là $7.200.000\text{đ}$, ông H đã trả cho ông V khoản tiền này. Nội dung: “tổng cộng $62.400.000$; tiền nợ trong năm $22.250.000\text{đ}$; $84.650.000\text{đ}$ ” là tổng số tiền ông V tính ông H còn nợ ông V, khi ông V lên đòi thì ông H trả $7.200.000\text{đ}$ và tiền nợ cũ trong năm là $22.250.000\text{đ}$. Sau đó ông H còn thuê ông V vận chuyển nữa nhưng đều thanh toán đầy đủ, còn số tiền $55.200.000\text{đ}$ thì ông H hẹn trả sau do ông H không trả nên ông V khởi kiện yêu cầu ông H theo đúng thỏa thuận ban đầu tính theo 1Ste là 120.000đ .

Tổng cộng ông H còn nợ ông V là $77.943.000\text{đ}$; trong quá trình ghi sổ do ông V tính toán nhầm nên ra số tiền $92.881.000\text{đ}$, do quá trình tính toán nhầm nay ông V xác định thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông V khởi kiện yêu cầu ông H trả cho ông V số tiền $77.943.000\text{đ}$ (Bảy mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn đồng) và không yêu cầu tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Từ khoảng năm 2010 ông và ông V bắt đầu làm ăn với nhau, do ông H là chủ cơ sở gỗ tại Bảo Lộc và thỉnh thoảng có yêu cầu ông V vận chuyển gỗ theo chuyến, xong chuyến nào thì trả tiền chuyến đó, hai bên hợp đồng bằng miệng. Khoảng thời gian nào ông H không nhớ rõ, phía Công ty T ở xã L có nhận được chỉ tiêu chế biến gỗ của nhà nước, ông Nguyễn Bá V là người có xe vận chuyển gỗ cho công ty T, còn ông H có nhân viên bốc xếp lên xe, phía ông H sẽ nhận chi phí bốc xếp do công ty T thanh toán, còn việc vận chuyển gỗ giữa ông V và Công ty T thì ông H không biết, nay ông V khởi kiện yêu cầu ông H trả tiền vận chuyển thì ông H không đồng ý.

Tòa án đã triệu tập ông Nguyễn Văn H nhiều lần để làm việc, đối chất, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H vắng mặt. Ngày 27/01/2021 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

Tại phần tranh luận, nguyên đơn ông Nguyễn Bá V trình bày theo thỏa thuận miệng giữa ông V và ông H là tiền vận chuyển sẽ thanh toán theo Ste, nhưng sau đó khi chốt sổ để đòi tiền ông H, ông V yêu cầu ông H trả tiền thì ông V có ghi nội

dung “Tổng cộng tháng 2,3,4,5 là 23 chuyến về Tâm Châu $23^{\circ} \times 2400 = 55.200.000đ$ ” nghĩa là ông H còn nợ ông V 23 chuyến $\times 2.400.000đ/1$ chuyến = 55.200.000đ, nên ông V xác định thay đổi yêu cầu khởi kiện không khởi kiện theo đơn vị tính Ste nữa mà khởi kiện theo chuyến. Ông V yêu cầu ông H trả cho ông V số tiền là 55.200.000đ (Năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng)

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá V buộc ông Nguyễn Văn H trả cho ông Nguyễn Bá V số tiền là 55.200.000đ. Về án phí buộc bị đơn phải chịu 2.760.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Bá V khởi kiện tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản với bị đơn là ông Nguyễn Văn H, cư trú tại địa chỉ: đường B, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đông. Do vậy, xác định đây là tranh chấp hợp đồng vận chuyển tài sản theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về pháp luật nội dung: Ông Nguyễn Bá V và ông Nguyễn Văn H đã giao kết hợp đồng vận chuyển tài sản vào năm 2016 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Bá V yêu cầu ông Nguyễn Văn H trả số tiền gốc 55.200.000đ (năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) thấy rằng: Theo các chứng cứ ông V cung cấp từ tháng 02/2016 đến tháng 5/2016 ông V có vận chuyển gỗ cho ông H 23 chuyến cụ thể: từ tháng 2, tháng 3/2016 ông V chở 13 xe ngày 23/4/2016 ông H đã ký xác nhận và ghi “Sau khi đối chiếu sổ với công ty T thì thanh toán tiền xe với chú V”; từ tháng 4, tháng 5/2016 ông V chở 10 chuyến, ông H đã ký xác nhận và ghi “10 phiếu, giao phiếu 22/5”, ông H cũng thừa nhận đó là chữ viết và chữ ký của ông H. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: “2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, việc ông H có thuê ông V vận chuyển 23 chuyến hàng như ông V trình bày là có thật.

Đối với yêu cầu số tiền 55.200.000đ thấy rằng, theo ông V trình bày theo đơn khởi kiện do tính toán sai (nhân, cộng sai số) nên ông V yêu cầu số tiền

92.881.000đ, sau khi Tòa án thụ lý ông V tính toán lại thì tổng số gỗ ông V vận chuyển cho ông H là $649.53\text{Ste} \times 120.000\text{đ}/1\text{Ste} = 77.943.000\text{đ}$ nhưng tại thời điểm đó nếu ông H trả tiền ngay thì ông V sẽ tính theo chuyển là $2.400.000\text{đ}/1$ chuyển nên chứng cứ ông V cung cấp có nội dung: “tổng cộng 62.400.000; tiền nợ trong năm 22.250.000đ; 84.650.000đ”, theo ông V trình bày đó là số tiền ông V tính ông H còn nợ ông V, khi ông V lên đòi thì ông H trả 7.200.000đ và tiền nợ cũ là 22.250.000đ, còn số tiền 55.200.000đ thì ông H hẹn trả sau. Sau đó ông V đòi nhiều lần ông H không trả nên ông V khởi kiện yêu cầu ông H theo đúng thỏa thuận ban đầu là $649.53\text{Ste} \times 120.000\text{đ}/1\text{Ste} = 77.943.000\text{đ}$. Tại phiên tòa hôm nay, ông V xác định theo chứng cứ ông cung cấp và xác nhận của ông H thì xác nhận chuyển, ngoài ra trong quá trình vận chuyển theo lời trình bày của ông V và chứng cứ ông V cung cấp thì ông H thanh toán cho ông V theo chuyển, do đó việc ông V thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc ông H trả số tiền 55.200.000đ là phù hợp với chứng cứ ông V cung cấp và lời khai của ông H. Như vậy, việc ông V có vận chuyển hàng cho ông H và ông H còn nợ lại số tiền 55.200.000đ là có thật.

[4] Xét lời khai phản bác của ông Nguyễn Văn H không đồng ý trả tiền cho ông Nguyễn Bá V vì cho rằng ông V ký hợp đồng vận chuyển gỗ với Công ty T, ông H không liên quan, trong quá trình làm việc Tòa án đã xác minh tại Công ty TNHH T cung cấp từ tháng 1/2016 đến tháng 5/2016 giữa Công ty T và ông Nguyễn Bá V không ký hợp đồng vận chuyển, theo chứng cứ ông V cung cấp ông H đã thừa nhận là chữ viết và chữ ký của ông H, theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Ông H không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án để chứng minh về việc này. Trong quá trình làm việc Tòa án đã triệu tập ông H nhiều lần để làm việc, đôi chất, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt. Vì vậy, lời khai phản bác của ông H là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu thu thập chứng cứ của Viện kiểm sát đã được làm rõ tại phiên tòa. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Từ những phân tích trên, đã có đủ cơ sở kết luận: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá V về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng vận chuyển tài sản*”.

[7] Về án phí: Yêu cầu của ông V được chấp nhận. Buộc ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 535, 538, 539, 541 Bộ luật dân sự 2005;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Bá V. Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Bá V số tiền là 55.200.000đ (Năm mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 2.760.000đ (Hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + VKSND TP. Bảo Lộc;
- + T.H.A Bảo Lộc;
- + Các đương sự;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)
Trần Thị Qui.**